TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2018/HSST
Ngày: 27/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hà
2. Ông Ngô Văn Tiền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/HSST ngày 02/3/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX ngày 30/03/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**

Tên gọi khác: Không

Sinh năm: 1990

Nơi ĐKHKTT: thôn Liêu Xá, xã Đại Đồng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Bình Dy, xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B (đã chết); con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 ĐKHKTT: tổ 39, phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; có vợ là: Nguyễn Thị P, sinh năm 1992, vợ chồng có 02 con chung: lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không (theo danh bản, chỉ bản số 45 do Công an thị xã Phổ Yên lập ngày 22/02/2018).

Nhân thân:

- Tại bản án HSST số 21/HSST/2017 ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án số: 32/2017/QĐ – CA ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;
- Tại Bản án số: 05/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tổng hợp hình phạt với bản án số 21/HSST/2017 ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 09 tháng tù.
- Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" – án chưa có hiệu lực pháp luật.
- Bản Cáo trạng số 17/CT – VKSKM ngày 27/02/2018 của VKS nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, truy tố Phạm Văn Toàn về tội "Trộm cắp tài sản" – vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

Biện pháp ngăn chặn: Hiện Phạm Văn Toàn đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang – Tổng cục VIII – Bộ Công an - (Có mặt tại phiên tòa).

**** Người bị hại:***

Ông Lê Việt C, sinh năm 1954 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: TDP 4, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (có mặt tại phiên tòa)

ĐKHKTT: tổ 39, Phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 20 giờ ngày 15/3/2017, Phạm Văn T đi xe ôm từ TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên về Hải Dương theo đường QL 3 cũ, khi đi qua ngã tư Phổ Yên, qua hết đèn giao thông khoảng 100 m, Toàn phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius, màu đen, trắng dựng trước cửa hiệu điện thoại và phụ kiện di động BKS 20 H1 – 060.12, không có người trông coi, Toàn nẩy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên, sau khi người chở xe ôm đi qua chiếc xe khoảng 100 m

Toàn bảo người chở xe ôm đỗ lại để T xuống xe, trả tiền xe ôm và đi bộ quay lại chiếc xe mô tô dựng trước cửa quán, T dùng vam phá khóa là 01 chiếc tuốc nơ vít một đầu có 4 cạnh mang theo trên người, T cho một đầu 4 cạnh vào ổ khóa điện của xe mô tô vặn phá ổ khóa, sau đó dắt lùi xe ra ngoài đường QL 3, nổ máy đi theo hướng Hà Nội về nhà tại huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, trên đường đi T vứt chiếc mũ bảo hiểm xe máy treo trên xe và 01 chùm chìa khóa trong cốp xe xuống đường. Sau khi chiếm đoạt xe chót lọt, T mang về nhà sử dụng xe khoảng 01 tháng sau bán cho một người không quen biết ở Bắc Giang được 3000.000đ đã chi tiêu cá nhân hết. Trước khi bán xe T tháo chiếc BKS xe sau đó lắp vào chiếc xe mô tô Arblade (chiếc xe này Toàn cũng trộm cắp tại Hải Dương từ trước đó) để sử dụng. Ngày 13/6/2017 T đi chiếc xe mô tô Arblade (BKS lắp của chiếc xe mô tô YAMAHA Sirius 20 H1 – 060.12) đem bán cho anh Chẩu Văn G, sinh năm 1990, trú tại xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang). Ngày 15/6/2017 khi tiến hành trộm cắp chiếc xe máy tại thôn Nà Chang, xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thì bị phát hiện bắt giữ. Tại CQĐT Công an huyện Na Hang Toàn khai nhận ra hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô ở Phổ Yên, Thái Nguyên. CQĐT Công an huyện Na Hang đã thu giữ chiếc BKS xe mô tô YAMAHA Sirius 20 H1 – 060.12, qua xác minh phương tiện giao thông là của ông Lê Việt Cường, sinh năm 1954, trú tại Ba Hàng, Phổ Yên, Thái Nguyên nên vụ việc được chuyển Công an thị xã Phổ Yên xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 30/11/2017, CQCSĐT Công an thị xã Phổ Yên đã ra quyết định trưng cầu định giá số 06/QĐĐG đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius BKS 20 H1 — 060.12 của ông Lê Việt C Tại bản kết luận định giá số 103/KLĐG ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phổ Yên xác định: 01 chiếc mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA Sirius BKS 20 H1 — 060.12, màu đen, trắng, dung tích xi lanh 110 cm^3; số máy: 5C63 – 597851; số khung Y 591793 (xe đã qua sử dụng) có giá là 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tài sản không thu hồi được, xong gia đình bị cáo đã thực hiện việc bồi thường giá trị chiếc xe cho người bị hại.

2. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 26/KSĐT ngày 28/02/2018 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Phạm Văn Toàn về tội **"**Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu là liên tiếp phạm tội ở nhiều tỉnh thành và địa phương khác nhau và cùng hành vi chiếm đoạt xe máy, tuy nhiên khi các cơ quan tố tụng truy tố hành vi phạm tội thì bị cáo tự giác tự thú hành vi phạm tội tại phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, sau đó tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại, phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn là các tình tiết giảm nhẹ được hưởng của bị cáo.

Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm b, p, g, o khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999

Tình tiết tăng nặng: Không phải chịu

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm văn T đã phạm tội Trộm cắp tài sản

**Hình phạt chính: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm điểm b, p, g, o khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, Điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo từ 15 - 18 tháng tù.*

**Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.*

**Về TNDS: Bị cáo đã được gia đình bồi thường cho bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường tiếp nên không xem xét.*

** Vật chứng: Đề nghị tiêu hủy 01 BKS xe máy* 20 H1 — 060.12

**Án phí và quyền kháng cáo: buộc bị cáo phải chịu án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo, người bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật*

Ý kiến của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận,đề nghị Toà án cho hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến của người liên quan: bà P: Nhất trí với luận tội của đại diện VKS, không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, người liên quan, đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm công dân lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Thủ tục tố tụng:*

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

- Tại phiên tòa, người bị hại ông C vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét việc vắng mặt của người bị hại không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết quả thực nghiệm điều tra; kết luận định giá tài sản ngày 01/12/2017 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Vào hồi 20 giờ 00 phút ngày 15/3/2017, Phạm Văn T lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản ông Lê Việt C, dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius BKS 20 H1 - 060.12 trước cửa nhà, giáp với đường quốc lộ 3 cũ, không có người trông coi, Phạm Văn T dùng vam phá khóa phá khóa điện chiếm đoạt chót lọt chiếc xe mang đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cho cá nhân. Tài sản nêu trên đã được Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng thị xã Phổ Yên xác định giá trị 7 .600.000đ *(Bẩy triệu sáu trăm ngàn đồng)* . Do đó, việc bị truy cứu trách nhiệm về hành vi "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, có tiền tiêu xài, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[3]. Bản cáo trạng số: 26/KSĐT ngày 28/02/2018 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố Phạm Văn T về tội tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự giác khai báo ra việc trộm cắp chiếc xe máy của ông C tại thị xã Phổ Yên (hành vi đó là tự thú trước khi bị phát giác ra hành vi phạm tội). Ngoài ra, bị cáo không có tài sản nhưng đã tác động đến gia đình thực hiện bồi thường thiệt hại cho người bị hại giá trị chiếc xe máy 6000.000đ, cụ thể mẹ đẻ bị cáo bà Nguyễn Thị P trực tiếp bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại điểm đ Tiểu mục 1.1 mục 1 Nghị quyết số 01 ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao đã hướng dẫn là được áp dụng tình tiết "*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả"* nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

đ) Bị cáo không có tài sản để bồi thường nhưng đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

Do vậy, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, p, g, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về hình phạt: Mặc dù không bị coi là có tiền án, nhưng có nhân thân cần đề cập trong khi lượng hình, đó là bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở nhiều tỉnh thành khác nhau cùng một hành vi chiếm đoạt tài sản xe máy của chủ sở hữu, sau đó bán lấy tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân như phạm tội trộm cắp tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và nhiều tỉnh thành khác, có một số nơi Tòa án đã đưa ra xét xử, còn một số tỉnh, thành khác đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do đó, xác định bị cáo có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo một thời gian nhất định để làm gương răn đe chung. Khi quyết định hình phạt HĐXX xét thấy: Hiện tại bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại bản án số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang và bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cùng về tội Trộm cắp tài sản; Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" – án chưa có hiệu lực pháp luật. Do trong quá trình điều tra, truy tố xét xử các cơ quan Tố tụng thị xã Phổ Yên chưa thu thập được các bản án của các Tòa án đã xét xử với bị cáo, và có một số bản án chưa có HLPL nên không có căn cứ để tổng hợp hình phạt tù trong vụ án này. Vì vậy, Để đảm bảo sự chính xác khi tiến hành tổng hợp hình phạt tù của nhiều bản án, Tòa án xét xử sau cùng sẽ có trách nhiệm tổng hợp hình phạt tù đối với bản án đã có hiệu lực pháp luật trước của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về căn cứ áp dụng pháp luật khi xét xử đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trước 0 giờ ngày 01/01/2018 là trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. So sánh về khung hình phạt của Điều luật quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 với khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Trộm cắp tài sản khung hình phạt là như nhau. Do vậy, cần áp dụng pháp luật tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là Bộ luật hình sự năm 1999 để xử lý đối với bị cáo.

[8] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại ông Lê Việt C đã nhận bồi thường thiệt hại số tiền 6000.000đ do mẹ đẻ bị cáo bà Nguyễn Thị P trực tiếp bồi thường, ông C không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P (mẹ đẻ bị cáo T) xác nhận: số tiền 6000.000đ do con trai tác động nên bà tự nguyện bồi thường cho người bị hại thay cho con trai, nay bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này. Do đó, HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo với người liên quan.

[11] Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra có thu giữ 01 BKS xe mô tô số 20 H1 – 060.12 của ông Lê Việt C, do xe máy không thu hồi lại được nên cần tiêu hủy BKS của xe theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2.Về hình phạt:

* *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p, g, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn T 16** (mười sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/6/2017.

**Hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường, không yêu cầu tiếp; người liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc BKS xe mô tô 20H1 – 060.12

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 26/ 4/2018 giữa Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên).

5. Án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015**,** điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn Toàn phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo*:* Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người liên quan (bà P) tại phiên tòa. Bị cáo và người liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại ông C, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
-Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, đại diện bị cáo)

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 củ HĐTP Tòa án nhân dân tối cáo hướng dân, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Toà án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,